TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **76/**2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 22 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 202, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Tiến H, sinh ngày 23/02/1982. Căn cước công dân số 042082011XXX, cấp ngày 15/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Nơi cư trú: Kiệt N đường M, Tổ K, phường P, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Túy Ph, sinh ngày 1981. Căn cước công dân số 046181001XXX, cấp ngày 22/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Kiệt N đường M, Tổ K, phường P, thành phố Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã P, tỉnh Hà Tĩnh) trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống với nhau không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph công nhận vợ chồng có 04 người con chung là Lê Nguyễn Tiến H, sinh ngày 28/5/2005; Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/12/2009; Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/6/2014 và Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 22/02/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Túy Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu Lê Nguyễn Hoàng H, Lê Nguyễn Hoàng H và Lê Nguyễn Hoàng H, anh Lê Tiến H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, tổng cộng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/03 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (từ đủ 18 tuổi). Đối với con chung là Lê Nguyễn Tiến H đã thành niên nên anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph thuận tình ly hôn.

- Về con chung và việc nuôi con: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph công nhận vợ chồng có 04 người con chung là Lê Nguyễn Tiến H, sinh ngày 28/5/2005; Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 03/12/2009; Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/6/2014 và Lê Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 22/02/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Túy Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu Lê Nguyễn Hoàng H, Lê Nguyễn Hoàng H và Lê Nguyễn Hoàng H, anh Lê Tiến H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, tổng cộng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/03 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (từ đủ 18 tuổi). Đối với con chung là Lê Nguyễn Tiến H đã thành niên nên anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Túy Ph có đơn yêu cầu thi hành án, anh Lê Tiến H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định

kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Lê Tiến H và chị Nguyễn Túy Ph mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Lê Tiến H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu BLTU/25E, số: 0000005 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Nguyễn Túy Ph đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu BLTU/25E, số: 0000004 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã P, tỉnh Hà Tĩnh (ĐKKH ngày 15/02/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu dán án;

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú